

# Phát triển năng lực số cho học sinh trung học cơ sở qua môn Lịch sử và Địa lí

Đặng Thị Phương

Email: phuongdt@gesd.edu.vn  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,  
Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Bài viết tổng quan một số quan niệm về năng lực số của các học giả trong nước và quốc tế. Nội dung bài viết đề cập đến những yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở đối với việc phát triển năng lực số cho học sinh. Bên cạnh đó, bài viết chỉ ra những cơ hội có thể tích hợp, phát triển một số biểu hiện của năng lực số trong môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở, đồng thời minh họa bằng một kế hoạch bài dạy phân môn Lịch sử ở lớp 6 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Với những thông tin đó, bài viết mong muốn các nhà nghiên cứu và các giáo viên nhìn nhận cụ thể về khả năng phát triển năng lực số cho học sinh không chỉ ở môn Tin học mà còn phát triển năng lực số cho học sinh qua các môn học khác.

**TỪ KHÓA:** Năng lực số, năng lực công nghệ thông tin, ICT, Lịch sử và Địa lí, chuyển đổi số.

→ Nhận bài 02/5/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 15/6/2024 → Duyệt đăng 10/8/2024.

**DOI:** <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12420217>

## 1. Đặt vấn đề

Cách mạng công nghiệp 4.0 với những thành tựu nổi bật trong các lĩnh vực: Internet, mạng xã hội, dữ liệu khổng lồ, di động, trí khôn nhân tạo và robot đã tạo ra những thay đổi lớn trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội, làm thay đổi tận gốc rễ cuộc sống. Giáo dục là một trong những lĩnh vực chịu sự tác động này nhanh hơn cả bởi giáo dục là người làm cho cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 nhanh chóng đi vào cuộc sống và chính nó sẽ tạo ra những phiên bản mới của các cuộc cách mạng công nghiệp tiếp theo [1]. Trong những năm gần đây, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học đã được thực hiện và nhận được sự quan tâm ngày càng lớn. Để trở thành những người học chủ động, tích cực, có năng lực tự chủ và tự học, đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, mọi học sinh phải làm quen và tiến tới làm chủ công nghệ thông tin trong môi trường học đường [2]. Chính vì vậy, phát triển năng lực số cho học sinh là một vấn đề cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Phát triển năng lực số thông qua môn học là một hướng tiếp cận phù hợp. Thực tế cho thấy, năng lực số có cơ hội được phát triển ở tất cả môn học trong nhà trường phổ thông, trong đó có môn Lịch sử và Địa lí.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Một số quan niệm về năng lực số

Có nhiều thuật ngữ khác nhau của các quốc gia, tổ chức và các nhà khoa học khi đề cập đến năng lực số. Có thể kể đến các thuật ngữ: Digital Literacy, Digital Skills, Digital Competences... “Năng lực số” được chuyên gia về máy tính và công nghệ Paul Gilster nhắc đến lần đầu tiên vào năm 1997, được hiểu là “Khả năng

hiểu và sử dụng thông tin dưới nhiều định dạng khác nhau từ nhiều nguồn khác nhau, được hiển thị qua máy tính”. Quan niệm này được các tổ chức, các nhà nghiên cứu quan tâm và đưa ra quan niệm khác nhau tùy thuộc vào nội dung, phương pháp tiếp cận [3].

Ủy ban Châu Âu (2006) cho rằng: “Năng lực số là một trong những năng lực cơ bản toàn diện đến việc sử dụng công nghệ số một cách tự tin và có tư duy phân biệt phục vụ cho học tập, giải trí, công tác và giao tiếp, trong đó gồm những kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin như: sử dụng máy tính để tìm kiếm, tiếp cận, đánh giá, lưu trữ, tạo ra sản phẩm, trình bày và trao đổi thông tin cũng như giao tiếp và tham gia vào các mạng lưới hợp tác thông qua Internet” [4].

Trong bản Khung năng lực số dành cho các nhà trường Châu Âu quan niệm rằng: “Năng lực kỹ thuật số là tập hợp các kỹ năng, kiến thức và thái độ cần thiết cho con đường giáo dục, hội nhập nghề nghiệp và đời sống công dân trong một xã hội với sự phát triển và thay đổi không ngừng của công nghệ” [5].

Theo UNESCO (2018), khái niệm năng lực số/digital competencies là khả năng truy cập, quản lý, hiểu, tích hợp, giao tiếp, đánh giá và tạo thông tin một cách an toàn và phù hợp thông qua các công nghệ kỹ thuật số cho việc làm và khởi nghiệp. Năng lực này bao gồm các năng lực được gọi chung là hiểu biết về máy tính, hiểu biết về công nghệ thông tin - truyền thông, hiểu biết về thông tin và hiểu biết về truyền thông [6].

Như vậy, năng lực số được hiểu là khả năng tập trung, ứng dụng công nghệ vào thực tiễn thông qua thái độ, sự thấu cảm, tư duy phân biệt, giải quyết vấn đề, đổi mới sáng tạo. Có thể thấy, chưa có sự thống nhất về khái

niệm chung dành cho năng lực số với mỗi nhà nghiên cứu. Tùy theo hướng tiếp cận và đối tượng, định nghĩa năng lực số có thể được bổ sung thêm hoặc rút gọn hơn. Tuy nhiên, về cơ bản, các khái niệm này đều có tính kế thừa dựa trên những nghiên cứu đã thực hiện trước đó.

## 2.2. Phát triển năng lực số trong môn Lịch sử và Địa lí

### 2.2.1. Yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở đối với việc phát triển năng lực số cho học sinh

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở, yêu cầu về phát triển năng lực số cho học sinh được thể hiện qua mục tiêu, các hoạt động thực hành với phần mềm, định hướng về phương pháp dạy học; yêu cầu về thiết bị dạy học, ... Cụ thể là: Môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở đề cập đến mục tiêu góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung; năng lực Lịch sử và năng lực Địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về Lịch sử, Địa lí thế giới, quốc gia và địa phương; các quá trình tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp học sinh biết cách sử dụng các công cụ của khoa học Lịch sử, khoa học Địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá nhân loại, khơi dậy ở học sinh ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế [7, tr.4].

Trong yêu cầu cần đạt về năng lực sử dụng công cụ và phương tiện Lịch sử và Địa lí cũng nêu rõ: Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen với cá nhân học sinh [7, tr.11]; Lập được biểu đồ, sơ đồ... của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu... [7, tr.19]. Như vậy, trong mục tiêu, phương tiện dạy học đã thể hiện yêu cầu về phát triển năng lực số cho học sinh.

Trong nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp cấp Trung học cơ sở, ngoài các nội dung kiến thức Lịch sử và Địa lí theo các chủ đề riêng từng phân môn, còn có những chủ đề chung có tích hợp kiến thức Lịch sử và Địa lí ở mỗi lớp. Bên cạnh đó, những hoạt động thực hành trong phòng học bộ môn, phòng máy tính với phần mềm (nếu nhà trường có điều kiện) tạo cơ hội cho học sinh phát triển năng lực số. Chẳng hạn, trong Chương trình môn Lịch sử và Địa lí 6 có các hoạt động: Sử dụng phần mềm dạy học nhằm minh họa bài giảng của giáo viên và hỗ trợ các hoạt động học tập của học sinh; Thực hành sử dụng phần mềm để vẽ các lược đồ

trí nhớ, các biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa; Sử dụng được phần mềm để vẽ biểu đồ dân số, biểu đồ thể hiện lượng nước, biểu đồ tỉ trọng công nghiệp, nông nghiệp...; Biểu đồ dạng cột/cột kép/tròn...

Một yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Lịch sử và Địa lí được thể hiện trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 là: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hợp lí và có hiệu quả các thiết bị dạy học như: Mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử; Bản đồ, sơ đồ, các bản thống kê, so sánh; Phim video; Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; Phần mềm dạy học nhằm minh họa bài giảng của giáo viên và hỗ trợ các hoạt động học tập của học sinh [7, tr.52]. Việc yêu cầu giáo viên đẩy mạnh công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng các phương pháp kĩ thuật dạy học, các thiết bị dạy học hiện đại đã thể hiện mục đích phát triển năng lực số cho học sinh qua môn Lịch sử và Địa lí.

Định hướng phương pháp hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Lịch sử và Địa lí cũng đề cập đến góp phần phát triển năng lực Tin học (xem như là một phần của năng lực số) thông qua việc sử dụng các phương tiện, công cụ công nghệ thông tin và truyền thông như công cụ hỗ trợ trong học tập và tự học; tạo dựng môi trường học tập trải nghiệm, các hoạt động thu thập thông tin, phân tích dữ liệu.

Việc đánh giá năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học Lịch sử và Địa lí (trong đó có các công cụ công nghệ thông tin và truyền thông, phần mềm dạy học, phim video, băng ghi âm, đĩa DVD, tra cứu các tài liệu đa phương thức, sách E-book, tra cứu các thư viện Digital chứa các kho tư liệu dạy học Lịch sử và Địa lí...) phần nào đó thể hiện đánh giá năng lực số - có thể đánh giá thông qua các hoạt động như: Làm việc với bản đồ, atlas, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hóa thông tin, sử dụng các công cụ học tập ngoài trời; Lí giải cách sử dụng các công cụ, phần mềm dạy học để thực hiện nhiệm vụ học tập.

### 2.2.2. Cơ hội phát triển năng lực số thể hiện trong dạy học một số nội dung cụ thể

Một số nội dung cụ thể trong môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở có cơ hội sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động học tập: Lựa chọn công cụ, vẽ hình, biểu đồ, soạn thảo; Trình bày, báo cáo, tương tác, tìm kiếm, lưu trữ; giao tiếp với thầy cô, bạn bè,... để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Bảng 1 nêu ví dụ về một số địa chỉ thể hiện cơ hội phát triển năng lực số (môn Lịch sử và Địa lí) cho học sinh lớp 6 trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

**2.3. Minh họa kế hoạch bài dạy theo hướng phát triển năng lực số cho học sinh**

Sách Kết nối tri thức [8]: Bài 5: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY (Lịch sử lớp 6. Thời gian: 2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức [8]:**

Các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy; Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy; Vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của con người và xã hội loài người thời nguyên thủy; Đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

**2. Năng lực**

*a. Năng lực chung*

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống [9].

*b. Năng lực chuyên biệt*

Tìm hiểu lịch sử: Tìm hiểu về xã hội nguyên thủy; Nhận thức và tư duy lịch sử: Phân biệt được rìu tay với hòn đá tự nhiên; trải nghiệm cách sử dụng công cụ lao

động; Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học: Sử dụng kiến thức về vai trò của lao động đối với sự tiến triển của xã hội loài người thời nguyên thủy để liên hệ với vai trò của lao động đối với bản thân, gia đình và xã hội [9].

*c. Năng lực số*

Sử dụng các thiết bị kỹ thuật số: Sử dụng máy tính, điện thoại thông minh để tìm kiếm thông tin, dữ liệu, hoàn thành, lưu giữ sản phẩm (poster) về xã hội nguyên thủy hoặc công cụ lao động của người nguyên thủy.

Kỹ năng về tìm kiếm dữ liệu: Tìm kiếm thông tin, dữ liệu hoàn thành bài tập trình bày các giai đoạn tiến hóa của xã hội nguyên thủy, đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy.

Sáng tạo sản phẩm số: Sử dụng phần mềm Powerpoint hoặc Video để hoàn thành bài thuyết trình tìm hiểu về xã hội nguyên thủy; Thiết kế Poster xã hội nguyên thủy hoặc công cụ lao động của người nguyên thủy thích hợp với các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.

Năng lực giao tiếp kỹ thuật số: Sử dụng Facebook để tiếp nhận nhiệm vụ học tập do giáo viên yêu cầu, trao đổi thảo luận giữa các thành viên trong nhóm để hoàn

**Bảng 1: Ví dụ về cơ hội phát triển năng lực số cho học sinh (môn Lịch sử và Địa lí lớp 6)**

Nội dung		Cơ hội phát triển năng lực số
<b>Phần Lịch sử</b>		
<b>Mạch: Thời nguyên thủy</b>		
Nguồn gốc loài người	- Quá trình tiến hoá từ vượn người thành người. - Những dấu tích của người tối cổ.	- Sử dụng phần mềm Google Earth để vẽ và thiết kế đồ hoạ các địa điểm tìm thấy dấu tích của vượn người trên Trái Đất. - Sử dụng Internet để tìm kiếm hình ảnh về vượn người trên Trái Đất, người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam, trình bày thành một báo cáo => Cơ hội lựa chọn công cụ tìm kiếm, lưu trữ, giao tiếp...
Xã hội nguyên thủy	- Các giai đoạn tiến triển. - Vai trò của lao động. - Đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.	- Sử dụng phần mềm mô phỏng để mô tả sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thủy. - Sử dụng Internet để tìm kiếm hình ảnh/video về đời sống của người nguyên thủy (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...), trình bày thành một báo cáo. - Sử dụng Internet để tìm kiếm hình ảnh về công cụ lao động, quá trình phát triển của người nguyên thủy, con người và xã hội loài người. - Sử dụng Internet để tìm kiếm hình ảnh/ video về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.
<b>Mạch: Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII Trước Công Nguyên đến đầu thế kỉ X</b>		
Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc	- Khoảng thời gian thành lập và phạm vi không gian. - Tổ chức nhà nước. - Đời sống vật chất và tinh thần.	- Sử dụng phần mềm mô phỏng để giới thiệu khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ. - Sử dụng phần mềm Imin Map để sơ đồ hóa tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc. - Sử dụng Internet để tìm kiếm hình ảnh/video về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc, trình bày thành một báo cáo.
Vương quốc Phù Nam	- Sự thành lập, phát triển và suy vong. - Tổ chức xã hội và kinh tế. - Thành tựu văn hoá.	- Sử dụng phần mềm mô phỏng để giới thiệu sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam. - Sử dụng phần mềm Imin Map để sơ đồ hóa nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. - Sử dụng Internet để tìm kiếm hình ảnh/ video về thành tựu văn hoá của Phù Nam, trình bày thành một báo cáo.
<b>Phần Địa lí</b>		

Nội dung		Cơ hội phát triển năng lực số
<b>Mạch: Bản đồ: Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất</b>		
Các loại bản đồ thông dụng	- Đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí. - Tìm đường đi.	- Sử dụng phần mềm Google Earth, cho học sinh đọc và xác định vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. - Sử dụng phần mềm Google Maps hoặc OkMap để vẽ đường đi trên bản đồ.
Lược đồ trí nhớ	- Vẽ lược đồ trí nhớ.	Sử dụng phần mềm Google Maps hoặc OkMap để vẽ lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.
<b>Mạch: Trái Đất - Hành tinh của hệ Mặt Trời</b>		
Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	- Chuyển động của Trái Đất (quan trực và quanh Mặt Trời). - Phương hướng ngoài thực tế dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên hoặc dùng địa bàn.	- Sử dụng phần mềm Google Earth, cho học sinh mô tả chuyển động của Trái Đất (quan trực và quanh Mặt Trời). - Sử dụng phần mềm Emap hoặc VIETMAP để xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên hoặc dùng địa bàn.
<b>Mạch: Đất và sinh vật trên Trái Đất</b>		
Sự sống trên hành tinh	- Sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.	Cho học sinh làm việc nhóm. Các nhóm tìm hiểu về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương (Tìm kiếm tư liệu tranh ảnh, video, ... từ Internet và các nền tảng công nghệ khác).

thành sản phẩm học tập; Sử dụng Padlet để gửi kết quả hoạt động của các nhóm, theo dõi bình chọn, đánh giá sản phẩm các nhóm khác.

An toàn kĩ thuật số: Học sinh biết bảo vệ các thiết bị công nghệ trong quá trình sử dụng; Biết cách bảo vệ cá nhân và quyền riêng tư khi tham gia đăng kí, đăng nhập để kiểm tra đánh giá qua phần mềm Azota.

### 3. Phẩm chất

Chăm chỉ: Chăm học, chịu khó đọc sách, tìm tài liệu để tìm hiểu về xã hội nguyên thủy; Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm, hoàn thành nhiệm vụ được giao; Trung thực: Báo cáo kết quả hoạt động nhóm trung thực, đánh giá kết quả hoạt động nhóm khác một cách nghiêm túc, công bằng, khách quan; Nhân ái: Có ý thức về nguồn cội; Có tinh thần yêu lao động; Trân trọng những sáng tạo của con người (lửa, lương thực,...) trong quá trình lao động; Trân trọng những giá trị của điều kiện tự nhiên đối với đời sống con người;...

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Chuẩn bị của giáo viên

Giáo án, sách giáo viên, sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6; Một số tranh ảnh điện tử về công cụ lao động, đồ trang sức, tạo ra lửa và sử dụng lửa, săn ngựa rừng... của người nguyên thủy; Lược đồ di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam; Máy tính, máy chiếu; Phiếu học tập dành cho hoạt động Hình thành kiến thức mới.

### 2. Chuẩn bị của học sinh

Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6; Tìm hiểu trước kiến thức về các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy, đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy; Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm, tìm kiếm được trên internet liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo

yêu cầu của giáo viên.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Hoạt động 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

b. Nội dung: Giáo viên nêu vấn đề và đặt câu hỏi, học sinh trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi: Nếu cuộc sống hiện đại biến mất, không có điện, không có ti vi, không có phương tiện để di chuyển... thì em sẽ sinh sống như thế nào? [9].

- Thực hiện nhiệm vụ học tập: Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ và trả lời câu hỏi.

- Kết nối vào bài học mới: Giáo viên dẫn dắt vấn đề: Thời kì nguyên thủy, con người có cuộc sống lệ thuộc vào tự nhiên. Việc dùng lửa để nấu chín thức ăn, chế tạo các công cụ, thuần dưỡng động vật... là những bước tiến lớn trong đời sống của người nguyên thủy. Để tìm hiểu rõ hơn về cuộc sống của người nguyên thủy, chúng ta cùng học Bài 5 - Xã hội nguyên thủy.

### 2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

*Hoạt động 2.1: Tìm hiểu mục I. Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy*

a. Mục tiêu: Học sinh hiểu được xã hội nguyên thủy trải qua hai giai đoạn: Bầy người nguyên thủy, công xã thị tộc; Cuộc sống của loài người phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, con người ăn chung, ở chung và giúp đỡ lẫn nhau.

b. Nội dung: Nội dung 1: Học sinh thảo luận theo nhóm và hoàn thành phiếu học tập. Nội dung 2: Học

sinh trả lời câu hỏi do giáo viên đặt ra.

c. Sản phẩm học tập: Phiếu học tập về các giai đoạn phát triển của người nguyên thủy; Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nội dung 1: Giáo viên yêu cầu học sinh đọc và nghiên cứu các hình ảnh sách giáo khoa, kết hợp sử dụng máy tính, điện thoại thông minh để tìm kiếm thông tin về xã hội nguyên thủy (tìm hiểu trước ở nhà), hoạt động theo nhóm (giáo viên chia lớp thành 4 nhóm) hoàn thành phiếu học tập trong thời gian 5 phút. Phiếu học tập (xem Bảng 2).

**Bảng 2: Phiếu học tập**

	Bầy người nguyên thủy	Công xã thị tộc
Dạng người	Người tối cổ	Người tinh khôn
Đời sống kinh tế		
Tổ chức xã hội		
Đời sống tinh thần		

Nội dung 2: Sau khi đã báo cáo và kết luận nội dung 1, giáo viên yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi:

Em hãy cho biết: Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào? Đặc điểm về tổ chức xã hội của những giai đoạn đó là gì? Hãy cho biết nét chính trong đời sống vật chất và tinh thần của Người tối cổ và Người tinh khôn? Đặc điểm căn bản trong quan hệ của con người với nhau thời kì nguyên thủy?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập

Nội dung 1: Học sinh nhận nhiệm vụ, thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập trong thời gian 5 phút.

Nội dung 2: Học sinh hoạt động cá nhân suy nghĩ, trả lời các câu hỏi giáo viên đặt ra.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

Nội dung 1: Đại diện nhóm học sinh lên trình bày

phiếu học tập; các nhóm còn lại nhận xét, đánh giá và hoàn thiện kiến thức.

Nội dung 2: Nhận xét câu trả lời của các cá nhân học sinh, chuẩn hóa kiến thức, chuẩn nội dung kiến thức phiếu học tập (xem Bảng 3).

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

Giáo viên đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới.

*Hoạt động 2.2: Tìm hiểu mục II. Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam*

a. Mục tiêu: Học sinh hiểu được những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

b. Nội dung: Giáo viên trình bày vấn đề; Học sinh lắng nghe, trả lời câu hỏi và tiếp thu kiến thức.

c. Sản phẩm học tập: Bài trình bày của nhóm về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nội dung 1: Học sinh hoạt động theo nhóm tìm hiểu về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam để trình bày trước lớp bằng bài thuyết trình Powerpoint hoặc Video (Giáo viên giao nhiệm vụ thông qua nhóm Facebook hoặc Zalo của lớp một tuần trước khi vào tiết học. Học sinh hoàn thành và gửi sản phẩm trên Padlet do giáo viên xây dựng).

Phiếu giao nhiệm vụ

- *Nhóm 1 và 3:* Tìm hiểu về đời sống vật chất của người nguyên thủy: Nghiên cứu sách giáo khoa, sử dụng Internet để tìm kiếm các tài liệu, hình ảnh, video về đời sống vật chất của người nguyên thủy.

- *Nhóm 2 và 4:* Tìm hiểu về đời sống tinh thần của người nguyên thủy: Nghiên cứu sách giáo khoa, sử dụng Internet để tìm kiếm các tài liệu, hình ảnh, video về đời sống tinh thần của người nguyên thủy.

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bảng 3: Nội dung hoàn thiện của phiếu học tập**

	Bầy người nguyên thủy	Công xã thị tộc
Dạng người	Người tối cổ.	Người tinh khôn. Hình thành ba chủng tộc lớn: Da vàng, da trắng và da đen.
Đời sống kinh tế	Biết ghè đeó đá làm ra công cụ, tạo ra lửa; sống trong hang, động, dựa vào săn bắt và hái lượm.	Biết mài đá để tạo ra công cụ sắc bén hơn, biết chế tạo cung tên, làm đồ gốm, dệt vải và trồng trọt, chăn nuôi; biết dựng lều bằng cành cây hoặc xương thú để ở.
Tổ chức xã hội	Sống thành bầy khoảng vài chục người, có người đứng đầu, có sự phân công lao động và cùng chăm sóc con cái.	Sống quần tụ trong các thị tộc gồm 2, 3 thế hệ, có cùng dòng máu, làm chung, hưởng chung. Nhiều thị tộc họ hàng, sống cạnh nhau tạo thành bộ lạc.
Đời sống tinh thần	Làm đồ trang sức như vòng đeo tay bằng vỏ ốc hay răng thú xuyên lỗ, vẽ tranh trên vách đá,...	Làm đồ trang sức như vòng cổ, vòng tay, hoa tai bằng đá, làm tượng bằng đá hoặc đất nung, vẽ tranh trên vách đá... Đã có tục chôn người chết và đời sống tâm linh.

Nội dung 1: Học sinh lập nhóm Facebook hoặc Zalo để trao đổi, thảo luận và xây dựng sản phẩm thuyết trình bằng Powerpoint hoặc Video ở nhà và gửi sản phẩm qua hệ thống Padlet trước giờ học.

Nội dung 2: Trao đổi, thảo luận và dự đoán những câu hỏi, phương án trả lời, tình huống liên quan khi báo cáo sản phẩm.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

Nội dung 1: Đại diện 2 trong 4 nhóm học sinh báo cáo kết quả (1 trong 2 nhóm cùng hoàn thành 1 nhiệm vụ báo cáo), các nhóm còn lại theo dõi và đặt câu hỏi liên quan để nhóm báo cáo giải đáp.

Nội dung 2: Nhận xét, trao đổi và thảo luận giữa các nhóm học sinh với nhóm báo cáo và giáo viên với các nhóm học sinh.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

Giáo viên nhận xét tinh thần, thái độ học tập, kết quả báo cáo sản phẩm học tập và tương tác thảo luận của các nhóm học sinh, chốt kiến thức về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam; chuyển sang nội dung mới.

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học về xã hội nguyên thủy, tạo hứng thú học tập để học sinh yêu thích môn học hơn.

b. Nội dung: Học sinh sử dụng sách giáo khoa, kiến thức đã học, giáo viên hướng dẫn (nếu cần thiết) học sinh trả lời câu hỏi/hoặc tham gia trò chơi theo thiết kế.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh/Nội dung trò chơi.

d. Tổ chức thực hiện:

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi phần luyện tập sách giáo khoa. Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời. Giáo viên nhận xét, chuẩn kiến thức. Nếu tổ chức trò chơi (ô chữ bí mật, hỏi nhanh đáp nhanh...) qua phần mềm Powerpoint, Violet... Giáo viên giới thiệu luật chơi, cách thức chơi. Sau mỗi câu trả lời của học sinh, giáo viên lấy ý kiến nhận xét của các học sinh trong lớp và công bố kết quả. Ở phần kết luận, giáo viên nhận xét tinh thần tham gia trò chơi của các học sinh trong lớp, chốt kiến thức ô chữ, khen thưởng học sinh tham gia tốt trò chơi.

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua dạng câu hỏi thực hành.

b. Nội dung: Học sinh sử dụng sách giáo khoa, kiến thức đã học, kiến thức và hiểu biết thực tế, giáo viên hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi phần vận dụng trong sách giáo khoa; thiết kế Poster về xã hội nguyên thủy: Thông tin về những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam; Đời sống về đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy; Những việc em và các bạn đã và đang làm để bảo vệ các dấu tích, hiện vật về người nguyên thủy, đặc biệt là các dấu tích, hiện vật về người nguyên thủy ở địa phương em (nếu có) [10, tr. 96 - 97].

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời/ chia sẻ trước lớp.

- Giáo viên nhận xét, chuẩn kiến thức.

5. Hoạt động 5: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP CHỦ ĐỀ “XÃ HỘI NGUYÊN THỦY”

a. Đánh giá quá trình học tập chủ đề

- Giáo viên đánh giá quá trình chuẩn bị báo cáo, sản phẩm báo cáo của các nhóm học sinh.

- Tất cả học sinh tham gia đánh giá sản phẩm các nhóm bằng cách bình chọn, bình luận trên Padlet.

b. Đánh giá kết quả học tập qua bài trắc nghiệm trên Azota

- Giáo viên tạo tài khoản trên Azota.vn, đưa danh sách lớp, đề kiểm tra lên hệ thống.

- Giáo viên chia sẻ đường link vào nhóm lớp để học sinh vào làm bài kiểm tra trực tuyến.

### 3. Kết luận

Chuyển đổi số đang là xu hướng hiện nay và diễn ra ở nhiều lĩnh vực. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học nói chung, dạy học môn Lịch sử và Địa lí nói riêng là việc làm cần thiết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Phát triển năng lực số cho học sinh sẽ giúp các em tự tin, tham gia một cách tích cực, an toàn, giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm trên không gian số [11]. Tương tự các môn học khác, môn Lịch sử và Địa lí có nhiều cơ hội để phát triển năng lực số cho người học. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy Lịch sử và Địa lí giúp môn học trở nên hấp dẫn hơn với học sinh, tạo ra môi trường học tập đa dạng, thú vị, thúc đẩy sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, góp phần đổi mới phương pháp dạy học, phát triển những biểu hiện khác nhau của năng lực số ở người dạy và người học nhằm đáp ứng yêu cầu của thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Lời cảm ơn:** Bài viết thuộc sản phẩm của đề tài: “Nghiên cứu phát triển năng lực số cho học sinh trung học cơ sở”, Mã số: B2023 - VKG - 26.

### Tài liệu tham khảo

[1] <https://hvcsnd.edu.vn/>

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số*

*32/2018/TT-BGDĐT).*

[3] Gilster, Paul, and Paul Glistler, (1997), *Digital literacy*, New York: Wiley Computer Pub.

- [4] European Parliament and the Council, (2006), *Recommendation of the European Parliament and of the Council of 18 December 2006 on key competences for lifelong learning*, Official Journal of the European Union, L394/310.
- [5] Schola Europaea, (2020), *Digital Competence Framework for the European schools*.
- [6] Law, N., et al., (2018), *A Global Framework of Reference on Digital Literacy Skills for Indicator 4.4.2.*, p. 6
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT)*.
- [8] Vũ Minh Giang - Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên), (2021), *Lịch sử và Địa lí 6*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [9] <https://www.vietjack.com/>
- [10] Đặng Thị Phương, (2020), *Thiết kế bài học Lịch sử theo hướng phát triển năng lực cho học sinh trung học cơ sở*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số đặc biệt, tr.96-97.
- [11] Nguyễn Thị Thanh Nga, (2022), *Phát triển năng lực số cho học sinh trung học qua môn Ngữ Văn*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 18, số 11, tr.6-12.
- [12] The Ontario Curriculum, (2018), *Social Studies, Grades 1 to 6; History and Geography, Grades 7 and 8*.
- [13] Назаренко, Тетяна Геннадіївна, (2018), *Development of digital competence of learner in geography and economics training Комп'ютер у школі та сім'ї*, 1 (145), pp. 3-8. ISSN 2307-9851.
- [14] Leni Marpelina, Sariyatun, Andayani, *Revolutionizing History Learning in The Digital Era: Transforming the Way We Learn*, Reference links: <https://knepublishing.com/index.php/KnE-Social/article/view/14910/23662>.

## DEVELOPING DIGITAL COMPETENCE FOR MIDDLE SCHOOL STUDENTS THROUGH HISTORY AND GEOGRAPHY SUBJECTS

### Dang Thi Phuong

Email: [phuongdt@gesd.edu.vn](mailto:phuongdt@gesd.edu.vn)  
The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** *The article provides an overview of several concepts about the digital competence of domestic and international scholars. The content of the article refers to the requirements of the 2018 General Education Curriculum of History and Geography at the lower secondary level for developing students' digital competence, points out opportunities to integrate and enhance some manifestations of digital competency in History and Geography at the middle school level, and illustrates it with a lesson plan for the History subject in grade 6 towards the 2018 General Education Curriculum. The research results are the basis for researchers and teachers to look over the ability to develop students' digital competencies in not only Information Technology but also other subjects.*

**KEYWORDS:** Digital competence, information technology competence, ICT, History and Geography, digital transformation.